BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 10 /2026/TT-BNNMT	*Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2026*

VĂN PHÒNG UBND TP HẢI PHÒNG
ĐẾN Số: 1307
Ngày: 07/02/2026
Chuyển: .....
Số và ký hiệu HS: .....

ĐƠN VỊ	CHỦ TRÌ	THAM GIA
CT L.N.Châu		
PCT TT L.A.Quân		X
PCT V.T.Phụng		
PCT L.T.Kiên		
PCT N.M.Hùng		
PCT T.V.Quân	X	
PCT H.M.Cường		
CVP H.V.Thực		X
PCVP N.H.Long		
PCVP T.V.Thiện		
PCVP N.T.Hùng		
PCVP P.A.Tuấn	X	
PCVP P.H.Hoàng		
PCVP T.N.Hưng		
P. NV&KT,GS		
P. NC		
P. NN&MT	X	
P. TC		
P. TH		
P. VX		
P. XD&CT		
Ban TCDTP		
P. HC-QT		
TTPVHCCTP		
TTHN&NKTP		
Cổng TTĐTTP		

THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai

Căn cứ Luật Đê điều số 79/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 15/2008/QH12, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 84/2025/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14, Luật số 18/2023/QH15, Luật số 47/2024/QH15, Luật số 55/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai.

Chương I
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 01/2009/TT-BNN NGÀY 06 THÁNG 01 NĂM 2009 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HƯỚNG DẪN TUẦN TRA, CANH GÁC BẢO VỆ ĐÊ ĐIỀU TRONG MÙA LŨ

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 6

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Nguồn kinh phí mua sắm dụng cụ, sổ sách quy định tại khoản 2 của Điều này:

a) Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh;

b) Ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Các loại sổ sách quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, đội trưởng đội tuần tra, canh gác đê có trách nhiệm bàn giao cho cơ quan chuyên trách quản lý đê điều để xử lý và bảo quản.".

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và 2 của Điều 16 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 5 Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai)

"1. Tổ chức lực lượng tuần tra, canh gác đê; hướng dẫn hoạt động và kiểm tra, đôn đốc công tác tuần tra, canh gác đê trong mùa lũ trên các tuyến đê thuộc địa bàn.

2. Chủ trì, phối hợp với Hạt Quản lý đê hoặc cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức huấn luyện nghiệp vụ tuần tra, canh gác, hộ đê, phòng, chống lụt, bão cho lực lượng tuần tra, canh gác đê.".

Điều 3. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ sau

1. Thay thế cụm từ "Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão các cấp" bằng cụm từ "Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp" tại khoản 1 Điều 4.

2. Bãi bỏ cụm từ "và phòng, chống lụt, bão" tại khoản 4 Điều 4.

3. Thay thế cụm từ "Ban chỉ huy chống lụt bão xã" tại khoản 2 Điều 4, cụm từ "Ban chỉ huy phòng, chống lụt, bão cấp xã" tại điểm b khoản 2 Điều 8 và cụm từ "Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão xã" tại điểm d khoản 3 Điều 9, điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 12 bằng cụm từ "Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã".

4. Thay thế cụm từ "Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" bằng cụm từ "Sở Nông nghiệp và Môi trường" tại tên Điều và khoản 3 Điều 17.

5. Thay thế cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" bằng cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" tại khoản 1 Điều 14, Điều 18.

Chương II

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 26/2009/TT-BNN NGÀY 11 THÁNG 5 NĂM 2009 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HƯỚNG DẪN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, NGUỒN KINH PHÍ VÀ CHẾ ĐỘ THÙ LAO ĐỐI VỚI LỰC LƯỢNG QUẢN LÝ ĐÊ NHÂN DÂN

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 2 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 6 Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Lực lượng quản lý đê nhân dân do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập, không thuộc biên chế nhà nước, được tổ chức theo địa bàn từng xã, phường, đặc khu ven đê.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Lực lượng quản lý đê nhân dân hoạt động dưới sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã và hướng dẫn về mặt chuyên môn, kỹ thuật của cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và Hạt Quản lý đê hoặc cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.".

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 của Điều 3 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 6 Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai)

"1. Chấp hành sự phân công của Ủy ban nhân dân cấp xã và hướng dẫn về mặt chuyên môn, kỹ thuật của cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và Hạt Quản lý đê hoặc cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường.".

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2 và 3 của Điều 4 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 6 Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai)

"1. Nhân viên quản lý đê nhân dân có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã định kỳ một tháng hai lần vào ngày 01 và ngày 15 hằng tháng về tình trạng đê điều, các công trình phòng, chống lụt, bão, tình trạng vật tư dự trữ phòng, chống lũ, lụt, bão trên địa bàn được giao.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổng hợp báo cáo của nhân viên quản lý đê nhân dân và báo cáo Hạt Quản lý đê hoặc cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, mỗi tháng một lần.

3. Nhân viên quản lý đê nhân dân khi làm nhiệm vụ, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về đê điều hoặc hư hỏng, sự cố đê điều phải bằng mọi cách nhanh chóng báo cáo cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã và Hạt Quản lý đê, Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã để tiến hành xử lý kịp thời.".

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 của Điều 5

"4. Nguồn kinh phí duy trì hoạt động của lực lượng quản lý đê nhân dân:

a) Quỹ phòng, chống thiên tai cấp tỉnh;

b) Ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.".

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và 3 của Điều 6 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 6 Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai)

"2. Chủ trì, phối hợp với Hạt Quản lý đê hoặc cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê cho lực lượng quản lý đê nhân dân.

3. Chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn, thanh toán kinh phí thù lao và thực hiện các chế độ, chính sách đối với nhân viên quản lý đê nhân dân theo các quy định của Nhà nước.".

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 của Điều 7 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 6 Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai)

"2. Tổ chức, chỉ đạo Hạt Quản lý đê hoặc cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đê điều và phòng, chống thiên tai thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về quản lý, bảo vệ đê điều và hộ đê cho lực lượng quản lý đê nhân dân.".

Điều 10. Thay thế một số cụm từ sau

1. Thay thế cụm từ "Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" bằng cụm từ "Sở Nông nghiệp và Môi trường" tại tên Điều 7.

2. Thay thế cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" bằng cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" tại khoản 2 Điều 8.

Chương III

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 54/2013/TT-BNNPTNT NGÀY 17 THÁNG 12 NĂM 2013 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HƯỚNG DẪN PHÂN CẤP ĐÊ VÀ QUY ĐỊNH TẢI TRỌNG CHO PHÉP ĐỐI VỚI XE CƠ GIỚI ĐI TRÊN ĐÊ

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 11

"**Điều 11. Trách nhiệm thực hiện quy định về phân cấp đê**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức phân cấp đê cho các tuyến đê trên địa bàn theo quy định tại Thông tư này, trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định.

2. Các tuyến đê được phân cấp theo Thông tư này phải phù hợp với quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

3. Các địa phương có đê đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phân cấp, hàng năm rà soát theo các tiêu chí quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 9 Thông tư này, nếu không phù hợp trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường điều chỉnh cấp đê cho phù hợp.".

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và 3 của Điều 13

"2. Đoạn đê chưa có tính toán xác định tải trọng cho phép xe cơ giới đi trên đê nhưng mặt đê đã được cứng hóa bằng bê tông hoặc rải nhựa, cho phép xe cơ giới đi trên đê có trọng tải toàn bộ xe (bao gồm trọng tải bản thân xe cộng với khối lượng người, hành lý và hàng hóa xếp trên xe) không vượt quá 12 tấn.

3. Đoạn đê không thuộc quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, cho phép xe cơ giới đi trên đê có trọng tải toàn bộ xe không vượt quá 10 tấn.".

Điều 13. Thay thế một số cụm từ sau

1. Thay thế cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" bằng cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" tại khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 16.

2. Thay thế cụm từ "Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" bằng cụm từ "Sở Nông nghiệp và Môi trường" tại khoản 1 Điều 16.

3. Thay thế cụm từ "Tổng Cục trưởng Tổng cục Thủy lợi" bằng cụm từ "Cục trưởng Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai" tại khoản 1 Điều 16.

Chương IV

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 02/2021/TT-BNNPTNT NGÀY 07 THÁNG 6 NĂM 2021 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI CÁC CẤP Ở ĐỊA PHƯƠNG

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 của Điều 6

"1. Hệ thống văn bản pháp luật, chính sách liên quan đến phòng, chống thiên tai: Đánh giá mức độ thực hiện pháp luật, các cơ chế, chính sách; kế hoạch đảm bảo nguồn lực và các điều kiện hoạt động cho cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì tham mưu về công tác phòng, chống thiên tai và lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai.".

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 23

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Sau khi Kế hoạch phòng, chống thiên tai các cấp được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân, Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo kế hoạch phòng, chống thiên tai với Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Quốc phòng để tổng hợp, chỉ đạo.".

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

"b) Thời hạn các Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi báo cáo bằng văn bản cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia chậm nhất vào ngày 25 tháng 12 năm báo cáo;".

Điều 16. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ sau

1. Thay thế cụm từ "Bộ Kế hoạch và Đầu tư" bằng cụm từ "Bộ Tài chính" tại khoản 7 Điều 4.

2. Thay thế cụm từ "Bộ Tài nguyên và Môi trường" bằng cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 7.

3. Thay thế cụm từ "Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" bằng cụm từ "Sở Nông nghiệp và Môi trường" tại khoản 1 Điều 22.

4. Bãi bỏ cụm từ "cấp huyện," tại điểm c khoản 3 Điều 23.

5. Thay thế cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" bằng cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" tại khoản 2 Điều 25.

Chương V

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 04/2021/TT-BNNPTNT NGÀY 28 THÁNG 6 NĂM 2021 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VIỆC CHẤP THUẬN, THẨM ĐỊNH CÁC HOẠT ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN ĐÊ ĐIỀU

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung tên Thông tư

"Hướng dẫn thực hiện chấp thuận, có ý kiến đối với các hoạt động liên quan đến đê điều".

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 10 Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai)

"**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn thực hiện việc lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc chấp thuận các hoạt động liên quan đến đê điều quy định tại khoản 2 Điều 25, khoản 2 Điều 28 Luật Đê điều và về nội dung đảm bảo thoát lũ, an toàn đê điều của dự án đầu tư xây dựng ở bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao nơi chưa có công trình xây dựng quy định tại khoản 4 Điều 26 Luật Đê điều.".

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 3

1. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

"b) Sự phù hợp với quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê; phương án phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều trong quy hoạch tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

"3. Cách thức thực hiện việc lấy ý kiến chấp thuận

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường một bộ Hồ sơ (bản chính hoặc bản sao y) bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, bao gồm:

a) Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Ý kiến bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Hồ sơ kỹ thuật công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt bao gồm: Thuyết minh và Bản vẽ mặt bằng tổng thể, mặt cắt đại diện, trong đó thể hiện những nội dung liên quan đến đê điều, thoát lũ khi xây dựng công trình;

d) Văn bản khác có liên quan đến việc xây dựng, thực hiện dự án (nếu có);

đ) Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ

a) Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ.

b) Trong quá trình xử lý hồ sơ, nếu xét thấy công trình có ảnh hưởng đến an toàn đê điều và thoát lũ, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai có thể báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ sung thêm các tài liệu để phục vụ cho quá trình xem xét, chấp thuận bao gồm: văn bản thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập về sự ảnh hưởng của công trình đến an toàn đê điều và thoát lũ lòng sông (sự giảm lưu lượng lũ thiết kế; tăng mực nước lũ thiết kế; ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu; ổn định lòng dẫn; ổn định thân đê, nền đê khu vực xây dựng công trình); ý kiến bằng văn bản của các cơ quan chức năng liên quan; tài liệu khảo sát địa hình, địa chất phục vụ cho việc kiểm tra, tính toán.

c) Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định hoặc cần bổ sung tài liệu quy định tại điểm b khoản này, trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường có thông báo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

d) Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai xem xét hồ sơ, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến chấp thuận bằng văn bản; trường hợp không chấp thuận, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường có văn bản thông báo, nêu rõ lý do việc không chấp thuận và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.”.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 (được sửa đổi, bổ sung bởi các khoản 2, 3 và 4 Điều 10 Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai)

“**Điều 4. Quy định về việc lấy ý kiến**

1. Các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao nơi chưa có công trình xây dựng trước khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt nội dung đảm bảo thoát lũ, an toàn đê điều phải được Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến về nội dung đảm bảo thoát lũ, an toàn đê điều.

2. Nội dung xem xét, có ý kiến

a) Sự tuân thủ các quy định của pháp luật về đê điều;

b) Sự phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai, quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Vị trí xây dựng công trình so với phạm vi bảo vệ đê điều;

d) Các nội dung đảm bảo không được làm giảm quá giới hạn cho phép của lưu lượng lũ thiết kế; không làm tăng quá giới hạn cho phép của mực nước lũ thiết kế; không ảnh hưởng đến dòng chảy của khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu đối với việc xây dựng công trình;

đ) Việc bảo đảm an toàn đê điều, ổn định bờ, bãi sông, bãi nổi hoặc cù lao, lòng dẫn khi xây dựng công trình;

e) Giải pháp phòng, chống lũ trong quá trình thi công, quản lý, sử dụng công trình;

g) Các vấn đề liên quan khác (nếu có).

3. Cách thức thực hiện việc lấy ý kiến

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường một bộ Hồ sơ (bản chính hoặc bản sao y) bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính, bao gồm:

a) Công văn đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Ý kiến bằng văn bản của Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

c) Hồ sơ dự án đầu tư xây dựng bao gồm nội dung đảm bảo thoát lũ, an toàn đê điều, trong đó thể hiện những nội dung liên quan đến quy hoạch tài nguyên nước, thủy lợi và phòng, chống thiên tai, quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn và kết quả tính toán đáp ứng yêu cầu về an toàn đê điều, thoát lũ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật Đê điều và Điều 5 Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều;

d) Văn bản khác có liên quan đến việc xây dựng, thực hiện dự án (nếu có);

đ) Văn bản thẩm tra của đơn vị tư vấn độc lập về sự ảnh hưởng của công trình đến an toàn đê điều và thoát lũ lòng sông, cụ thể về sự giảm lưu lượng lũ thiết kế; tăng mực nước lũ thiết kế; ảnh hưởng đến dòng chảy khu vực lân cận, thượng lưu, hạ lưu; ổn định lòng dẫn; ổn định thân đê, nền đê khu vực xây dựng công trình;

e) Văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh trở lên.

4. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ

a) Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan tiếp nhận, xử lý hồ sơ.

b) Trường hợp hồ sơ chưa đủ theo quy định hoặc cần bổ sung tài liệu, trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường có thông báo bằng văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

c) Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai xem xét hồ sơ, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến bằng văn bản và gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.".

Điều 21.Thay thế cụm từ sau

Thay thế cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" bằng cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" tại khoản 1 Điều 3; khoản 2 Điều 5.

Chương VI

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 13/2021/TT-BNNPTNT NGÀY 27 THÁNG 10 NĂM 2021 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUY ĐỊNH BẢO ĐẢM YÊU CẦU PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI TRONG QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, SỬ DỤNG CÁC KHU KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, KHAI THÁC TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN KHÁC, ĐÔ THỊ, DU LỊCH, CÔNG NGHIỆP, DI TÍCH LỊCH SỬ; ĐIỂM DU LỊCH; ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN; CÔNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI, GIAO THÔNG, ĐIỆN LỰC, VIỄN THÔNG VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC

Điều 22. Bãi bỏ một số điều, khoản sau

1. Bãi bỏ khoản 6 Điều 3.

2. Bãi bỏ Điều 11 (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 11 Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai).

Điều 23. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ sau

1. Bãi bỏ cụm từ "và hệ thống trực canh, cảnh báo, theo dõi, giám sát thiên tai chuyên dùng" tại khoản 2 Điều 1.

2. Bãi bỏ cụm từ "thanh tra," tại điểm d khoản 2 và điểm c khoản 4 Điều 7; điểm đ khoản 2 Điều 9; điểm e khoản 2 Điều 10.

3. Bãi bỏ cụm từ "Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai," tại điểm e khoản 1 Điều 6.

4. Thay thế cụm từ "Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai và Uỷ ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn" tại điểm g khoản 1 Điều 6 và cụm từ "Ban Chỉ đạo quốc gia về Phòng, chống thiên tai" tại điểm e khoản 2 Điều 6; điểm d khoản 5 Điều 7; điểm d khoản 6 Điều 8; điểm c, điểm d khoản 5 Điều 9; điểm d khoản 5 Điều 10 bằng cụm từ "Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia".

5. Thay thế cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" bằng cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" tại điểm e khoản 1, điểm e khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều 6; điểm b khoản 4 và điểm c, điểm d khoản 5 Điều 7; điểm b khoản 5 và điểm d khoản 6 Điều 8; điểm b, điểm c khoản 4 và điểm c, điểm d khoản 5 Điều 9; điểm d khoản 3 và điểm d khoản 5 Điều 10; khoản 2 Điều 12.

6. Thay thế cụm từ "Tổng cục Phòng, chống thiên tai" bằng cụm từ "Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai" tại khoản 4 Điều 7; khoản 5 Điều 8.

7. Thay thế cụm từ "Tổng cục Thuỷ lợi" bằng cụm từ "Cục Quản lý và Xây dựng công trình thuỷ lợi" tại khoản 4 Điều 9.

8. Thay thế cụm từ "Tổng cục Thuỷ sản" bằng cụm từ "Cục Thủy sản và Kiểm ngư" tại khoản 4 Điều 10.

9. Thay thế cụm từ "Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" bằng cụm từ "Sở Nông nghiệp và Môi trường" tại khoản 3 Điều 7; khoản 3, khoản 4 Điều 8; khoản 3 Điều 9; khoản 3 Điều 10.

Chương VII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 22/2022/TT-BNNPTNT NGÀY 29 THÁNG 12 NĂM 2022 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN BAN HÀNH ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT LẬP QUY HOẠCH PHÒNG, CHỐNG LŨ CỦA TUYẾN SÔNG CÓ ĐÊ VÀ QUY HOẠCH ĐÊ ĐIỀU

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung tên Thông tư

"Ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lập quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê".

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều 1

"**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Định mức kinh tế - kỹ thuật lập quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê".

Điều 26. Thay thế cụm từ, Định mức kinh tế - kỹ thuật ban hành kèm theo Thông tư

1. Thay thế cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" bằng cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" tại Điều 3 của Thông tư.

2. Thay thế Định mức kinh tế - kỹ thuật lập quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê và quy hoạch đê điều ban hành kèm theo Thông tư số 22/2022/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bằng Định mức kinh tế - kỹ thuật lập quy hoạch đê điều và phòng, chống lũ của tuyến sông có đê ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương VIII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 25/2023/TT-BNNPTNT NGÀY 21 THÁNG 12 NĂM 2023 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN HƯỚNG DẪN QUY TRÌNH DUY TU, BẢO DƯỠNG ĐÊ ĐIỀU VÀ XỬ LÝ KHẨN CẤP (CẤP BÁCH) SỰ CỐ ĐÊ ĐIỀU

Điều 27. Thay thế một số cụm từ sau

1. Thay thế cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" bằng cụm từ "Bộ Nông nghiệp và Môi trường" tại điểm c khoản 3 Điều 3; khoản 1 Điều 4; điểm b khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 7; Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư.

2. Thay thế cụm từ "Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn" bằng cụm từ "Sở Nông nghiệp và Môi trường" tại khoản 2 Điều 3; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 4; Điều 5; Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư.

3. Thay thế cụm từ "thành phố/huyện" bằng cụm từ "đặc khu/phường/xã" tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư.

Chương IX

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 18/2025/TT-BNNMT NGÀY 19 THÁNG 6 NĂM 2025 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP, PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRONG LĨNH VỰC ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI

Điều 28. Bãi bỏ một phần Thông tư

Bãi bỏ Chương II (gồm Điều 3 và Điều 4); Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Nông nghiệp và Môi trường để hướng dẫn, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Sở NN&MT các tỉnh, thành phố;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- Bộ NN&MT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Lưu: VT, ĐĐ.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Nguyễn Hoàng Hiệp